

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NINH

Số: 2937/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 10 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao bổ sung dự toán kinh phí thực hiện các  
chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID-19 (tháng 6/2022)

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Chính phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID-19;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Nghị quyết số 145/NQ-CP ngày 19/11/2021 của Chính phủ về điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số chế độ, chính sách trong phòng, chống dịch COVID-19;

Căn cứ Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính quy định về thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 31/3/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19 đảm bảo an sinh xã hội và ổn định tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số giải pháp cấp bách và chính sách đặc thù phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 4389/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung, điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2022;

Theo đề nghị của Sở Y tế (Văn bản số 4530/SYT-KHTC ngày 24/8/2022) và đề xuất của Sở Tài chính tại Tờ trình số 5108/TTr-STC ngày 16/9/2022.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao bổ sung 3.573.902 triệu đồng (Ba tỷ, năm trăm bảy mươi ba triệu, chín trăm linh hai nghìn đồng) dự toán kinh phí cho Sở Y tế để thực hiện triển khai chi các chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID-19 (tháng 6/2022);

- Nguồn kinh phí thực hiện:

+ Từ nguồn kết dư chi chế độ đặc thù của các tháng 1 và 2 năm 2022: 129,47 triệu đồng (gồm 102,35 triệu đồng còn dư của Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 31/3/2022; 27,12 triệu đồng còn dư của Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 28/4/2022);

+ Kinh phí còn lại cấp từ nguồn dự phòng, dự toán ngân sách tỉnh năm 2022: 3.444,432 triệu đồng.

(Chi tiết phụ biểu kèm theo Quyết định).

**Điều 2.** Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:

- Sở Tài chính chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh (Tờ trình số 5108/TTr-STC ngày 16/9/2022);

- Sở Y tế Quảng Ninh chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của số người, số ngày hưởng chế độ gửi Sở Tài chính làm căn cứ thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh; quản lý, sử dụng kinh phí được cấp và tổ chức thanh quyết toán kinh phí theo đúng chế độ, chính sách quy định hiện hành nhằm đảm bảo tiết kiệm, sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước.

**Điều 3.** Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ninh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- V0-V2,DL1;
- Lưu: VT, TM3
- 5b, QD09-21

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Hạnh**

PHỤ BIỂU:

**KINH PHÍ THỰC HIỆN PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP THÁNG 06/2022**

(Kèm theo Quyết định số 2937/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện chi	Kinh phí đề nghị cấp	Kế hoạch		Nhu cầu kinh phí (nghìn đồng)	Hỗ trợ sinh hoạt thiết yếu khác cho người bị áp dụng biện pháp cách ly (40.000đ/ngày)			Phụ cấp chống dịch			Phụ cấp thường trực 24/24 giờ (bao gồm cả PC cho người làm việc Chốt KSLN)			Hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động, phân công tham gia phòng chống dịch, phục vụ cách ly			KP cho đối tượng được bổ sung theo NQ 36 HĐND Tỉnh và đối tượng khác			Ghi chú
			QĐ 803/QĐ-UBND ngày 31/3/2022	QĐ 1094/QĐ-UBND ngày 28/4/2022		Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hỗ trợ đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng phụ cấp đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng phụ cấp đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng hỗ trợ đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Số người	Số ngày	Số tiền (nghìn đồng)	
1	2	3=6-4-5	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	23
<b>Tổng cộng:</b>		<b>3.444.432</b>	<b>102.350</b>	<b>27.120</b>	<b>3.573.902</b>	<b>1.312</b>	<b>11.559</b>	<b>355.702</b>	<b>955</b>	<b>8.471</b>	<b>2.185.100</b>	<b>213</b>	<b>1.695</b>	<b>220.350</b>	<b>260</b>	<b>3.505</b>	<b>280.400</b>	<b>198</b>	<b>2.494</b>	<b>532.350</b>	
1	TTYT Móng Cái (bv số 1)	568.800			568.800	66	883	7.770	248	1.801	435.050	89	598	77.740	29	603	48.240	0	0	0	
2	Bệnh viện ĐK tỉnh	233.910			233.910				97	705	194.600	5	31	4.030	43	366	29.280	3	30	6.000	
3	BV ĐKKV Cẩm Phá	63.560			63.560	0	0	0	36	204	58.200	0	0	0	9	67	5.360	0	0	0	
4	BV ĐK Cẩm Phá	152.602	78.210		230.812	85	1.098	33.022	91	665	172.750	0	0	0	28	313	25.040	0	0	0	
5	BVĐK Hạ Long	125.480			125.480	0	0	0	0	0	95.600	0	0	0	10	181	14.480	41	154	15.400	
6	TTYT Tiên Yên	226.700			226.700	680	4.466	178.640	16	157	41.100	0	0	0	10	87	6.960	0	0	0	
7	TTYT Ba Chẽ	136.060			136.060				49	568	122.900	5	62	8.060		0	0	13	51	5.100	
8	TTYT Bình Liêu	53.510			53.510	16	69	2.760	53	188	45.250	3	30	3.900	5	20	1.600	0	0	0	
9	TTYT Hạ Long	97.280			97.280				24	304	60.800	0	0	0	0	0	0	24	304	36.480	
10	TT YT Đông Triều	1.502.410			1.502.410	465	5.043	133.510	214	2.803	656.850	58	776	100.880	115	1.810	144.800	111	1.925	466.370	
11	TTYT Cẩm Phá	14.290			14.290				1	3	900	15	103	13.390	0	0	0	0	0	0	
12	TTYT Hải Hà	290	24.140	27.120	51.550	0	0	0	46	181	36.200	38	95	12.350	0	0	0	6	30	3.000	
13	Bệnh viện Sản Nhi	38.840			38.840				20	114	34.200	0	0	0	11	58	4.640	0	0	0	
14	Bệnh viện Bãi cháy	230.700			230.700	0	0	0	60	779	230.700	0	0	0				0	0	0	

